

Cảm Ứng Thiên Vững Biên

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(Bài 15)

(Chánh văn 18): Từ tâm ư vật.

(正文)慈心於物。

(Tạm dịch: Từ tâm đối với muôn loài).

Từ là cội gốc của muôn điều thiện, tức là lòng nhân. Từ có hai nghĩa: Một là giúp nghèo, dẹp khổ; hai là không giết, phóng sanh. Suy ngẫm chữ này, hãy nên nói theo phương diện “*suy tới muôn loài*”, có nghĩa là bậc quân tử tích lũy công đức, không chỉ là “*thân thân nhân dân*” (親親仁民, thân ái đối với người thân, có lòng nhân đối với những người khác) mà thôi, mà lòng Từ còn hướng đến muôn vật nữa.

Đại Tạng Kinh nói: “*Người chẳng sát sanh, yêu thương, bảo vệ sanh mạng muôn vật, và phóng sanh, thí thực, sẽ được quả báo sống lâu*”. Người hiện thời, đối với chuyện trẻ con trong nhà chơi đùa, hãy đều nên ngăn cấm, đừng để cho chúng nó tổn hại các loài ruồi, muỗi, bướm, trùng, kiến, chim chóc v.v... [Nếu để mặc, không răn đe], không chỉ là thương tổn các sinh vật, mà còn khiến cho ý niệm giết chóc của chúng lừng lẫy; lớn lên, chúng nó sẽ chẳng biết nhân từ, khoan dung!

Đối với tôi tớ, hễ họ đổ, hắt nước nóng, và đốt củi, quét đất, [sẽ khiến cho] các loài như đĩa, kiến v.v... phần nhiều bị tổn thương, cũng nên răn nhắc. Hễ ai trông thấy hết thấy

chúng sanh gieo mình vào tử địa, như thiêu thân đâm đầu vào đèn, trùng vướng vào lưới [nhện], chim chóc bị thương, dế, kiến bị đập, tôm, cá, những loài có vảy nhỏ bé bị mắc lưới v.v... hãy nên tạo phương tiện cứu giúp, che chở khiến cho chúng nó được toàn mạng! Đây là hành vi của bậc phước thọ lâu dài vậy!

Kinh Quán Thế Âm nói Đại Phạm Thiên Vương hỏi về tướng mạo của Đà La Ni, Bồ Tát bèn đáp: “*Là tâm đại từ bi*”. Sách Hoa Nghiêm Hợp Luận nói: “*Quán Thế Âm biểu thị vị trí Tây phương. Do phương Tây thuộc về chỗ Thu sát¹, Ngài hành lòng Từ cứu khổ ở chỗ ‘sát’, nên tên là Quán Thế Âm*”. Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm chép: “*Nhược linh chúng sanh hoan hỷ, tắc nhất thiết Như Lai hoan hỷ. Hà dĩ cố? Chư Phật Như Lai dĩ đại bi tâm nhi vì Thế cổ, nhân ư chúng sanh nhi khởi đại bi, nhân ư đại bi sanh Bồ Đề tâm. Nhân Bồ Đề tâm, thành Đẳng Chánh Giác*” (Nếu làm cho chúng sanh hoan hỷ, hết thấy Như Lai sẽ hoan hỷ. Vì sao vậy? Vì chư Phật Như Lai dùng tâm đại bi làm Thế cổ, do vì chúng sanh mà dấy lòng đại bi, do vì đại bi mà sanh tâm Bồ Đề, do tâm Bồ Đề mà thành Đẳng Chánh Giác).

Chúng sanh yêu quý thân mạng nhất, chư Phật yêu mến chúng sanh nhất. Có thể cứu thân mạng của chúng sanh, tức là có thể thành tựu tâm nguyện của chư Phật. Do vậy, xét ra, chư Phật, Bồ Tát ngàn lời vạn lẽ, không gì chẳng nhằm dạy mọi người hãy cứu khổ cho chúng sanh! Ngàn lời vạn lẽ của tà ma, ngoại đạo, không gì chẳng nhằm dạy con người ăn thịt chúng sanh.

¹ Do mùa Thu thuộc về Kim trong Ngũ Hành, cây cối úa vàng rụng lá trước gió Thu, nên cổ nhân nói gió mùa Thu có sát khí, thường gọi là Thu Sát.

Vì thế biết: Khuyên kẻ khác phóng sanh, chính là khơi gợi lòng từ bi của họ, là cái nhân lành để hưởng sự vui sướng dài lâu nhiều kiếp. Khuyên kẻ khác sát sanh, tức là dấy động lòng tàn nhẫn của họ, sẽ là căn cội oan khiên bao kiếp! Một lời là then chốt gây nên họa hay phúc như thế đó, há chẳng thận trọng ư?

Đời Hán, Dương Bảo lúc chín tuổi, trông thấy một con sẻ lông vàng bị chim cú đánh văng xuống đất, lại bị kiến bu. Dương Bảo cứu nó, đặt trong rương, cho nó ăn hoa vàng. Đến khi nó mọc lông vũ, bèn thả đi. Một tối, có một đứa bé trai mặc áo vàng, hướng về Dương Bảo bái tạ:

- Tôi là sứ giả của Tây Vương Mẫu², đến núi Bồng Lai, qua đây gặp phải ách nạn này, cảm tạ ông đã cứu giúp.

² Tây Vương Mẫu còn gọi là Diêu Trì Kim Mẫu, Kim Mẫu Nguyên Quân, Tây Linh Vương Mẫu, Cửu Linh Thái Diêu Quy Sơn Kim Mẫu, Tây Trì Cực Lạc Kim Từ Thánh Mẫu, hoặc Bạch Ngọc Quy Đài Cửu Linh Thái Chân Kim Mẫu Nguyên Quân v.v...

Bà được coi là chúa các vị nữ tiên trong Đạo Giáo. Theo Tây Dương Tạng Trử, bà họ Dương, tên Hối, ngự trong cung điện ở Tây Bắc núi Côn Luân.

Trong niềm tin của dân gian, bà được coi là vợ của Hạo Thiên Thượng Đế.

Theo Thần Tiên Truyện, bà và Thượng Đế có hai mươi bốn người con gái, có thuyết nói bà có chín người con trai và hai mươi ba người con gái.

Trong bộ Châm Trung Thư, Cát Hồng nói: “*Lúc lưỡng nghi chưa phân, trời, đất, mặt trời mặt trăng chưa xuất hiện, đã có Bàn Cổ Chân Nhân, tự xưng là Nguyên Thủy Thiên Vương, dạo chơi trong ấy. Về sau, Ngài cùng Thái Nguyên Thánh Mẫu thông qua hai thứ khí kết tinh sanh ra Đông Vương Công và Tây Vương Mẫu. Sau đó lại sanh ra Địa Hoàng, Địa Hoàng lại sanh ra Nhân Hoàng*”.

Bèn đem bốn chiếc vòng ngọc tặng cho ông ta, nói:

- Khiến cho con cháu ông làm tới Tam Công, trắng sạch như những chiếc vòng này.

Nói xong, chẳng thấy đâu nữa! Về sau, Dương Bảo sanh ra Dương Chân, Dương Chân sanh Dương Bình, Dương Bình sanh Dương Tứ, Dương Tứ sanh ra Dương Bru, bốn đời làm Tam Công, thanh bạch khôn sánh!

Đời Minh, Trầm Vạn Tam thấy có người cầm mấy trăm con ếch sắp đem giết, bèn mua hết, đem thả trong ao. Một hôm, đến bên bờ ao, thấy lũ ếch ngồi quanh một cái chậu sành, Vạn Tam bèn cầm về làm chậu rửa mặt. Ngẫu nhiên rửa tay, đánh rớt một chiếc nhẫn vào đó. Sáng hôm sau, thức dậy, cầm đến, nhẫn đã đầy chậu. Ông Trầm kinh dị, lấy vàng, bạc thử bỏ vào cũng thế. Đây chính là Tụ Bảo Bồn (聚寶盆, chậu gom chứa của báu), [ông Trầm trở thành] giàu có nhất nước.

Đời Tống, thiền sư Diên Thọ là người xứ Đan Dương. Thoạt đầu, Sư làm nha lại ở huyện Dư Diêu, thâm thùng tiền trong kho mấy chục vạn. Hữu Ty³ tra hỏi, [hóa ra] chỉ là do Sư mua những con vật đem phóng sanh, xài lố vào đó, chẳng ngờ thiếu hụt ngàn ấy. [Quan trên phán định] tội phải chết, lúc sắp bị xử tử, Sư vẻ mặt chẳng đổi, nói:

- Ta cứu sống mấy muôn vạn sanh mạng, nay tuy chết, sẽ mau chóng về Tây Phương, há chẳng vui ư?

Sách Thần Tiên Thập Di nói chi tiết hơn: “*Phù Tang Đại Đế Đông Vương Công tức Hạo Thiên Thượng Đế sanh thành vạn vật, Tây Vương Mẫu được gọi là Cửu Quang Huyền Nữ hóa sanh các hàm linh*”.

³ Hữu Ty (有司) là những cấp chủ quản của một viên chức trong chính phủ, hoặc những cấp lãnh đạo có liên quan đến một cơ cấu chính quyền nào đó. Hữu Ty cũng thường được dùng để chỉ giới quan lại lo việc hành chánh và tư pháp nói chung.

Tiền Vương⁴ nghe nói thương xót, tha tội ấy. Sư trở thành Tăng, mộng thấy ngài Quán Âm dùng cam lộ rưới vào miệng, huệ tánh ngày càng mở mang. Sư viết bộ Vạn Thiện Đồng Quy Tập gồm sáu quyển. Sư trụ tại chùa Vĩnh Minh, thọ chín mươi tám tuổi, ngồi chấp tay, qua đời. [Môn nhân] dựng tháp [an táng Sư] bên cạnh chùa, có một vị Tăng hằng ngày nhiễu quanh tháp, lễ bái. Có người hỏi duyên cớ, Tăng đáp rằng:

- Tôi là một ông sư ở Phủ Châu, do bị bệnh, đến côi âm. Thấy bên góc điện có treo một cuộn tranh vẽ, Diêm Vương đích thân đến đánh lễ. Tôi hỏi người đứng đầu các nha lại, người ấy đáp: “Thọ thiên sư đây mà! Phàm người chết đều phải qua chỗ này, riêng có thiên sư đến thẳng Tây Phương Cực Lạc thế giới, thượng phẩm thượng sanh. Vì thế, Diêm Vương kính lễ”. Có thể thấy rõ là sanh về Tây Phương được âm phủ kính trọng dường ấy.

Trong bài Giới Sát Văn (bài văn khuyên kiêng giết) của Liên Trì đại sư đời Minh có đoạn:

- Ai nấy đều yêu mạng, muôn vật tham sống. Sao lại sát hại thân thể chúng nó để thỏa thích miệng bụng ta? Hoặc là dao bén mổ bụng, hoặc đao nhọn chọc tim. Hoặc lột da, lóc vẩy, hoặc cắt họng, chẻ mai, hoặc luộc sôi, nướng sống ba ba, lươn. Hoặc dùng muối, rượu để muối tươi cua, tôm. Đáng

⁴ Tiền Vương ở đây chính là Tiền Liêu (sinh năm 852- mất năm 932), tự là Cự Mỹ, là vua nước Ngô Việt thời Ngũ Đại Thập Lục Quốc. Nước Ngô Việt bao gồm mười ba châu, tức là toàn bộ tỉnh Chiết Giang hiện thời, phía Đông Nam tỉnh Giang Tô, và một phần Đông Bắc của tỉnh Phước Kiến. Trong các tiểu quốc thời đấy, nước này tồn tại lâu nhất mãi cho đến khi Triệu Khuông Dã lập ra nhà Bắc Tống, thống nhất Trung Hoa. Do các vua Ngô Việt cai trị đều nhân từ, sáng suốt, việc học Phật rất thịnh hành, xã hội ổn định, người đương thời thường xưng tụng xứ Ngô Việt là Phật Quốc.

thương thay! Đau thảm thiết khôn nổi giải bày, khổ cùng cực khôn bề chịu đựng! Tạo ác nghiệp ngập trời, kết thành mối oán cừu sâu đậm muôn đời. Một mai vô thường, liền đọa địa ngục. Vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao. Khi thọ tội xong, còn làm súc sanh. Oán oán báo thù, mạng mạng đền bồi. Hết nợ, được làm người, lắm bệnh, chết yếu. Tôi nay đau xót thừa cùng người đời, khuyên khắp mọi người chớ giết, càng nên tùy sức phóng sanh, lại còn trì niệm danh hiệu Phật, không chỉ là phước đức tăng cao, ắt còn tùy nguyện vãng sanh, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, công đức vô lượng.

(Nhạc ngắn)

(Chánh văn 19): Trung hiếu.

(正文)忠孝。

(Tạm dịch : Trung hiếu).

Làm bày tôi tận trung, làm con tận hiếu, đây là thiên lý thường hằng, là cội gốc của nhân luân. Nếu làm bày tôi mà bất trung, ắt vua còn mong cậy gì bày tôi nữa? Làm con bất hiếu, cha còn mong đợi gì ở con nữa đây? Súc sanh cầm thú đều chẳng bằng, há còn đáng gọi là người nữa ư?

Loài người tuy đáng dự vào tiên phẩm, [nhưng để thành tiên], ắt cần phải trải qua nhiều năm tháng! Chỉ có kẻ tốt trung, tốt hiếu, hôm nay tạ thế, ngày mai liền sanh cõi trời. Người biết làm bày tôi, làm con trung hiếu, tiết tháo cao cả, há có biết đây lại càng là cội gốc để được siêu độ ư?

Kẻ có hiếu, trước hết phải giữ yên đất nước. Do nước đã yên, [dân chúng] sẽ an cư. Do an cư, họ sẽ thực hiện hạnh hiếu thảo. Vì thế, cổ nhân tìm trung thân, ắt tìm nơi hiếu tử. Trung hiếu toàn vẹn đôi bề mới là đạo trọng yếu để đạt đến

đức hạnh cao tốt. Nhưng cũng có khi trung hiếu chẳng thể đều vẹn toàn được, do vậy, chia ra [thành từng phương diện] để luận định, ngõ hầu mỗi người sẽ tùy theo sự việc mà biết trọn hết tâm lòng.

“*Trung*” là tận tâm, chẳng lừa dối. Phàm trong các mối quan hệ giữa con người với nhau, như kẻ dưới phụng sự người trên, như những người cùng hàng chơi với nhau, xử sự, giao tiếp, đều nên có [lòng Trung], nhưng đoạn kinh văn này nhằm chuyên nói về kẻ làm bầy tôi. Cha con, anh em, vợ chồng, ai nấy đều tự biết kính yêu, còn như [mối quan hệ] vua tôi là do đạo nghĩa mà kết hợp, ai nấy dễ phạm lỗi cầu thả. Ở đây, nói lòng Trung là nói tới chuyện thiên kinh địa nghĩa, là chuyện chẳng thể trốn tránh giữa vòng trời đất vậy.

Ông Phan Trọng Mưu nói:

- Trong đời mỗi người, ngoài trời, đất, cha mẹ ra, ân vua lớn nhất. Trong thường nhật, bất luận cư trụ, ăn uống⁵, không gì chẳng phải là ân vua. Khi vào trường học tập⁶, cho đến lúc ra làm quan, được phong tước, vinh hiển tổ tông, rạng mặt nở

⁵ Nguyên văn “*tiễn thổ, thực mao*” (踐土食毛). Đây là một thành ngữ phát xuất từ một đoạn văn trong Tả Truyện: “*Phong lược chi nội, hà phi quân thổ? Thực thổ chi mao, thù phi quân thân?*” (Trong lãnh thổ của nhà vua, có chỗ nào chẳng phải đất nhà vua, ăn lông từ đất (tức ăn rau cỏ mọc trên đất), có ai chẳng phải là bầy tôi của vua?) Vì thế, “*tiễn thổ, thực mao*” có nghĩa là (đi trên đất của vua, ăn rau của vua), hiểu theo nghĩa bóng là nơi ta sinh sống, những gì ta ăn uống, đều thuộc về quốc gia. Cũng do ý này mà trong bài Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc, cụ Nguyễn Đình Chiểu đã viết: “*Tác đất, ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta*”.

⁶ Nguyên văn “*đương giao tường tạo tự*” (當膠庠造就, vào trường Thái Học hoặc trường huyện để đào tạo bản lãnh). Đời Châu, trường Thái Học được gọi là Giao (膠), còn các trường huyện được gọi là Tường (庠).

mày ba họ⁷, hoặc được vua coi như kẻ tâm phúc, phong cho quan cao chức cả⁸, bất quá là mong bồi dưỡng kẻ sĩ hòng báo đáp [nước nhà] đó thôi! Con người chẳng phải là cây cỏ, ai chẳng động lòng? Thế mà có kẻ đã hưởng ân đất nước, chẳng nghĩ dốc sức như khuyến mã để báo đáp, chỉ biết vun vén cho bản thân và gia đình, cái tâm sao mà tàn nhẫn vậy?

Ông Vu Thiết Tiều nói:

- Sĩ, nông, công, thương mắt chẳng thấy cừ trùng cung khuyết⁹, dường như chẳng có ơn vua đáng nói tới. Nhưng hãy thử nghĩ: Ở một phương, những chốn chằm, đầm là nơi bọn giặc cướp chiếm cứ, là nơi bọn vong mạng dấy binh, ắt [chúng nó] sẽ đâm, giết, cướp bóc, sáng chẳng bảo đảm tới. Nếu không có oai phước của quân đội triều đình diệt sạch [giặc cướp, loạn quân] cho an toàn, há [dân chúng bình phàm] có thể yên lòng ngồi hưởng phước bốn biển thái bình ư? Nghĩ đến đây, [sẽ thấy] gã phu gồng gánh, đứa trẻ chăn trâu, phụ nữ canh cửi, anh chàng cấy cày, chốn chốn đều thọ ơn vua, lúc nào cũng đều là do sức vua! Hãy nên tùy phận dốc trọn lòng trung, hướng hồ kẻ đọc sách ăn lộc vua ư? Kẻ chẳng biết một chữ Trung, cũng đáng thẹn lắm thay!

⁷ Nguyên văn “*vinh thí tam đảng*” (榮施三黨). Có nghĩa là: Theo tự điển Nhĩ Nhã, “*tam đảng*” là một từ ngữ cổ, dùng để chỉ họ cha, họ mẹ và họ vợ. Câu này có nghĩa là người đỗ đạt, vinh quy bái tổ, ba họ đều được thơm lây.

⁸ Nguyên văn “*long dĩ tư mục*” (隆以司牧), “*tư mục*” có nghĩa là quản lý, cai trị, thường được dùng để chỉ các quan lại.

⁹ “*Cung khuyết*” là từ ngữ chỉ cung điện của nhà vua. Do ngoài cửa cung có hai cái Khuyết, nên gọi là cung khuyết. Khuyết (闕) là một cấu trúc gồm một đài cao, trên có lầu cao, phía dưới thì bỏ trống ở giữa để làm lối đi lại.

- Đạo làm bày tôi không phải chỉ có một. Người làm tể phụ ắt dốc trọn lòng phù tá việc cai trị là trung¹⁰.
- Là kẻ ngôn quan (言官, gián quan, ngự sử, gián nghị đại phu) ắt coi chuyện can gián nhằm khuông phò [hoàng đế theo đúng chánh đạo] là trung.
- Làm quan trông coi về hình pháp, bèn coi chuyện chấp hành pháp luật công bằng, khoan dung là trung.
- Làm quan lại, coi yêu dân, siêng năng nơi chức trách là trung.
- Làm quan võ, coi dốc hết sức dẹp yên loạn lạc là trung.

Những người giữ việc tiến cử, trông coi văn học, lấy chuyện tuyển chọn nhân tài cho đất nước là trung. Chuyện [tròn hết trách nhiệm để tận trung] khó thể nêu trọn! Sở dĩ ý niệm [trung thành] của kẻ làm bày tôi bị phân tán đến nỗi chẳng đoái nghĩ đáng quân vương¹¹ là do có mấy điều, tức là do gia đình của chính mình, do tước vị, do quyền thế, do ân oán, do danh dự.

Ý niệm về bản thân, gia đình, tước vị xuất phát từ kẻ tầm thường thì chuyện xấu [gây nên bởi cái tâm bất trung ấy] vẫn còn nhỏ. Ý niệm quyền thế phần nhiều phát sanh từ kẻ gian nịnh, thường liên quan đến lẽ lợi hại của thiên hạ, nước nhà, nhưng nỗi hại ấy rốt cuộc cũng gây hại cho chính kẻ gian!

Còn như ân oán và danh dự, dẫu là kẻ được cõi đời xung tưng là quân tử, vẫn có khi chẳng tránh khỏi! Từ thời Đường,

¹⁰ Tể phụ (宰輔) chính là ngôi Tể Tướng. Do Tể Tướng có vai trò phụ tá hoàng đế trông coi việc triều chánh cho nhà vua, đứng đầu các quan, nên gọi là Tể.

¹¹ Nguyên văn là “*quân phụ*” (君父). Theo ông Hoàng Bách Lâm, do coi vua giống như cha nên gọi là quân phụ, chứ “*quân phụ*” không có nghĩa là vua và cha.

Tổng tới nay, mỗi họa kéo bè kết đảng là như thế đó. Chỉ có trung thì sẽ tận tâm, chẳng lừa dối. Chẳng lừa dối thì sẽ chí thành. Hễ chí thành thì khởi tâm động niệm, hoàn toàn chẳng vì bản thân, vì gia đình, vì tước vị mà dấy lên, chẳng tránh né kẻ quyền thế mạnh mẽ, chẳng bị ảnh hưởng bởi tình cảm riêng tư, chẳng tiếc nuôi công danh của chính mình, trọn chẳng cầu được tiếng thơm là bậc trung nghĩa, chánh trực.

Tuy khéo léo chu toàn sự việc, nhưng chẳng a dua, phụ họa, hoặc là chấp pháp chẳng nể nang tình cảm, chẳng vì tình tự khích động mà uốn cong luật lệ. Chỉ cần là chuyện thật sự hữu ích cho quốc kế, dân sanh, [sẽ đều tận lực thực hiện]. Lại còn coi vua của mình đúng là như vua Nghiêu, vua Thuấn, chẳng dám manh nha ý niệm coi thường. Đây mới là lòng trung cung kính vậy!

Hàn Thi Ngoại Truyện chép¹²:

- Đạo trung có ba loại. Một là thờ vua bằng cách dùng đạo để bảo vệ thì là đại trung. Dùng đức hạnh để uốn nắn, phò tá vua thì là thứ trung (nghĩa là trung thành bậc thứ). Dùng lời lẽ can gián những chuyện sai trái để cứu nhà vua thì là hạ trung.

Sách Thuyết Uyển nói¹³:

¹² Hàn Thi Ngoại Truyện là một phần của một bộ sách do Hàn Anh viết vào thời Tây Hán. Sách gồm có mười quyển, chia thành hai phần Nội Truyện và Ngoại Truyện. Nội Truyện đã thất truyền từ lâu.

¹³ Thuyết Uyển (說苑) là tác phẩm thuộc loại tạp sự tiểu thuyết do Lưu Hưởng viết vào thời Tây Hán. Đến đời Tống, Tăng Cung nhuận sắc. Tác phẩm này gồm hai mươi quyển, ghi chép những truyền thuyết và những câu chuyện lịch sử từ thời Tiên Tần cho đến đời Tây Hán, có kèm thêm những lời bình luận theo quan điểm của Nho gia.

- Tuân theo mạng lệnh, có lợi cho vua thì gọi là Thuận. Tuân theo mạng lệnh mà có hại cho vua thì gọi là A Dua. Trái mạng mà gây hại cho vua thì gọi là Loạn. Trái mạng mà có lợi cho vua thì gọi là Trung.

Nhan Quang Trung nói¹⁴:

- Phàm là người làm quan xử sự trong cõi đời, [khi gặp] những chuyện thị phi to tát, gặp những chỗ có ảnh hưởng lợi hại to lớn, thường liên quan đến tánh mạng, tuy lúc rảnh rang thì có thể lo liệu chánh vụ, tuân thủ chánh đạo, nhưng cho đến khi ấy (đến khi phải quyết định những chuyện trọng đại), cứ ngập ngừng muốn nói lại thôi, [cứ phân vân nên] thuận theo hay trái ý cấp trên, ắt sẽ có chuyện giết người để lấy lòng người khác! Nếu không, sẽ là phường hồ đồ, chẳng quyết đoán, bại hoại quốc sự, khiến cho thế gian này phải hứng chịu [hậu quả của] sự chần chừ ấy.

Xưa nay, những bậc hào kiệt hành sự, thành tựu đại công danh, đại nhân phẩm, đều là do từ trong “*muôn phần chết, một phần sống*” mà ra, đạt được định lực từ nơi ấy; sau đây, quốc gia mới được lợi ích. Như Gia Cát Lượng cù cung tận tụy, Quách Lệnh Công (Quách Tử Nghi, 郭子儀)¹⁵ một mình

¹⁴ Nhan Mậu Du (?-1637), tự là Tráng Kỳ và Quang Trung, biệt hiệu là Hoàn Bích Cư Sĩ, quê ở huyện Bình Hòa, thuộc phủ Chương Châu, tỉnh Phước Kiến, đỗ Tiến Sĩ năm Sùng Trinh thứ bảy (1634) đời Minh. Ông viết rất nhiều về nhân quả, bộ sách nổi tiếng nhất của ông là *Địch Cát Lục* cũng bàn về lẽ nhân quả, được Trần Long Chánh tôn xưng là “sách báu cứu đời”. Tác phẩm này được lưu hành rộng rãi tại Giang Nam chỉ kém bộ *Liễu Phàm Tứ Huấn*.

¹⁵ Quách Tử Nghi do từng đảm nhiệm chức Trung Thư Lệnh nên được gọi là Lệnh Công. Chữ Lỗ chỉ quân Hồi Hột; chúng tôi tạm dịch là giặc Hồ vì người Trung Hoa có thói quen gọi tất cả các dân tộc thiểu số ở Tân Cương là Hồ.

một ngựa gập giặc Hồ, Lý Lâm Hoài¹⁶ giấu đao trong giày [để tỏ rõ chí], Hàn Kỳ Vương¹⁷ mười ngón tay còn bốn, Lưu Thuận Xương¹⁸ chứa củi đợi chết [nhằm tỏ ý sanh tử quyết]

¹⁶ Lý Lâm Hoài tên thật là Lý Quang Bát, là một vị danh tướng đời Đường. Do ông ta được phong làm Lâm Hoài Vương, nên Sử thường gọi ông là Lý Lâm Hoài. Ông Lý khỏe mạnh, đa mưu, thiện chiến, giỏi bắn tên, giỏi cưỡi ngựa. Ông làm Tiết Độ Sứ Lạc Dương. Khi Sử Tư Minh giết chết con An Lộc Sơn là An Khánh Tự, xưng là Đại Yên Hoàng Đế, tấn công Lạc Dương ráo riết, Lý Lâm Hoài nhận thấy khó thể giữ thành Lạc Dương, bèn chuyển dân chúng đi nơi khác, lui quân về Hà Dương. Sau này, Lý Lâm Hoài đánh bại cánh quân của Sử Tư Minh tại Lạc Dương, góp phần dẹp yên cuộc biến loạn của An Lộc Sơn. Trong khi giao chiến, ông giấu một con dao nhọn trong ủng, bảo thuộc hạ: “Ta thuộc vào địa vị Tam Công, chẳng thể chịu nhục trong tay giặc được. Nếu lỡ bị thua trận, ta sẽ tự vẫn để tạ tội với thiên tử”.

¹⁷ Hàn Kỳ Vương chính là danh tướng Hàn Thế Trung của nhà Nam Tống. Do được phong làm Kỳ Vương, nên Sử thường gọi ông là Hàn Kỳ Vương. Ông thân thể to lớn, anh dũng, thiện chiến, nhiều mưu lược, cầm quân nghiêm minh, khinh tài, trọng nghĩa. Do từng bị trúng phải độc tiễn, vì thế, bàn tay của ông chỉ còn có bốn ngón. Cùng với Nhạc Phi, ông lập nhiều chiến công hiển hách khiến cho quân Kim kinh hồn. Ông một mực phản đối chính sách hòa đàm của Tần Cối. Tần Cối bèn giả chiếu chỉ gọi ông về triều, giao cho ông trông coi Xu Mật Sứ, tước hết binh quyền. Ông đã gặp thẳng vua, tâu rõ Tần Cối chính là kẻ hại chết Nhạc Phi nhưng nhà vua vẫn u mê, chẳng nghe lời can gián. Chán nản, ông bỏ về hưu, đóng cửa tạ khách.

¹⁸ Lưu Thuận Xương tên thật là Lưu Kỳ. Do từng đánh bại quân Kim tại Thuận Xương, nên người đời thường gọi ông là Lưu Thuận Xương. Ông là một vị tướng nổi danh kháng Kim của nhà Nam Tống. Lúc đó, tướng Hoàn Nhan Xương của quân Kim nghị hòa với Tần Cối. Một điều khoản nghị hòa là quân Kim sẽ trả lại phủ Khai Phong của Đông Kinh, phủ Hà Nam của Tây Kinh, và phủ Ứng Thiên của Nam Kinh cho Nam Tống. Lưu Thuận Xương được phái đến trấn thủ ở Thuận Xương. Khi còn cách Thuận Xương ba trăm dặm, ông Lưu nghe tin quân Kim đã đánh xuống miền Nam. Ông đã thành công chỉ huy quân Tống phá tan đội quân chủ lực của Hoàn Nhan Tông Bát tại Thuận Xương. Không lâu sau, Tần Cối lại chủ

chiến]. Ông ta ra vào giữa vạn quân, [trong vòng] tên đạn chỉ chít, [thế mà] thần khí bất động, lẫm lẫm thẳng trận, há dễ dàng ư? Tám thân đã sớm giao cho nước nhà rồi! Nhưng đó vẫn là nói về bậc chiến tướng.

Vâng ạ thời gian đã hết bài hôm nay chúng ta sẽ kết thúc ở đây.

(nhạc)

Chúc bạn

Không làm các việc ác
Mỗi năm được bình an
Siêng làm các việc lành
Năm nào cũng như ý

Website: www.duongdenhanhphuc.vn
Kênh Youtube: duongdenhanhphuc

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!

trương tiếp tục nghị hòa, bắt ông phải triệt thoái, đổi sang làm tri phủ Kinh Nam. Trong cuộc chiến Thuận Xương, khi Hoàn Nhan Tông Bát dẫn đến bốn đạo binh cùng tấn công Thuận Xương, ai nấy đều kinh sợ khuyên ông nên tạm thời rút về Giang Nam để chờ thời cơ. Ông hạ quyết tâm, ra lệnh: “Kẻ nào dám bàn ra tán vào, sẽ chém”. Ông cho người đưa vợ con đến một ngôi chùa gần đó, sắp sẵn một đồng củi to, dặn dò thuộc hạ: “Nếu ta lỡ bị thua trận, hãy nổi lửa thiêu chết vợ con ta để họ cùng ta hy sinh vì nước”. Nghe tin ấy, quân sĩ hăng hái, liều sức chiến đấu khiến cho Hoàn Nhan Tông Bát bị thua to.